

CHƯƠNG TRÌNH

Tổng thể cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của bộ máy nhà nước, cán bộ, công chức và Nhân dân tỉnh nhà về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh; phấn đấu hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước, tạo nền tảng để vận hành chính quyền số, xây dựng các dịch vụ cơ bản hình thành xã hội số và bước đầu đưa nền kinh tế số trở thành một trong các nguồn thu ngân sách ổn định và phát triển bền vững của địa phương.

b) CCHC phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được trong CCHC nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp với yêu cầu của tỉnh.

c) Cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ và giải pháp có tính khả thi về đẩy mạnh CCHC theo hướng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, trong đó, lấy chuyển đổi số làm gốc, là đòn bẩy trong mọi hoạt động. Phân công cụ thể trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong công tác chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo các nội dung nhiệm vụ được hoàn thành đạt và vượt mức chỉ tiêu, tiến độ quy định, góp phần nâng cao vị thế của địa phương trong thời gian tới.

d) Xác định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện Chương trình; nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác CCHC, xây dựng chính quyền số của tỉnh đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ.

đ) Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với định hướng phát triển công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông là khâu đột phá; đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào trong hành chính công, dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian xử lý công việc, nhân lực bộ máy, giảm thời gian chờ đợi và chi phí của người dân; triển khai đồng bộ các giải pháp hoàn thiện nền tảng chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; trên cơ sở dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới hình thành chính quyền số, phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

e) Phân đấu Chỉ số CCHC (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) và Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh duy trì ổn định trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

2. Yêu cầu

a) Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

b) CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

c) Các nội dung CCHC gắn với chính quyền số phải có tính đột phá, tập trung vào các mục tiêu chiến lược, cấp thiết, được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và theo từng giai đoạn.

d) Tập trung nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với lộ trình, bước đi phù hợp.

đ) Tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện công tác CCHC gắn với chính quyền số, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tham nhũng, tiêu cực và gây phiền hà cho Nhân dân.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về cải cách thể chế

- 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn theo đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Phân đầu 100% VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành, VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành được rà soát, nhằm bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Các sở, ban, ngành tiến hành rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách quy định khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các tiện ích của chính quyền số và dịch vụ đô thị thông minh đối với các lĩnh vực do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

- 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Năm 2022, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 50%, 40%, 35%; giai đoạn 2023 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- 100% TTHC được chuẩn hóa và cập nhật công khai đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; được tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh để đảm bảo thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

- 100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các TTHC đặc thù). Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận và giải quyết theo phương châm “4 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đạt tối thiểu 20%, tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện đạt tối thiểu 50%.

- 100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (trừ một số TTHC đặc thù) và tích hợp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên cơ sở Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Tăng năng suất lao động trung bình trong việc giải quyết TTHC thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xã hội hoá một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC; giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp xuống trung bình còn tối đa 15 phút/lượt giao dịch; thời gian tiếp

nhận, xử lý hồ sơ tối thiểu 30 phút/hồ sơ vào năm 2025.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước

- 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được rà soát, sắp xếp lại tổ chức theo quy định khung của Chính phủ; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và nhu cầu của thị trường, xã hội; thực hiện tinh giản biên chế, phấn đấu đến năm 2025 giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp so với năm 2021; rà soát, sắp xếp lại số lượng cấp phó của các cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo theo lộ trình quy định của Chính phủ tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- 100% cơ quan nhà nước bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm khi được phê duyệt. Đến năm 2025, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương có đủ khả năng làm việc trong điều kiện hội nhập; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng trở lên và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

5. Về cải cách tài chính công

- Ban hành đầy đủ các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí của các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Đến năm 2030, phấn đấu chuyển ít nhất 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm dưới 100% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; chuyển ít nhất 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ dưới 70% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên; chuyển ít nhất 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên. Hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với nhóm đơn vị này; giảm 15% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

6. Về xây dựng và phát triển chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh

- 100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ các văn bản Mật theo quy định).

- 100% người dân và doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia hệ thống Chính quyền số, các dịch vụ đô thị thông minh được xác thực định danh điện tử thông suốt hợp nhất từ hệ thống Trung ương.

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành. Triển khai xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành Y tế, Văn hóa, Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Xây dựng... bảo đảm thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- 80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- Xây dựng hoàn thiện và sớm đưa vào sử dụng Hệ thống báo cáo số của các sở, ngành đảm bảo tính liên thông từ tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Phấn đấu xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại phục vụ chuyển đổi số để hoàn thành mục tiêu “bốn không - một có”: làm việc không giấy tờ, hội họp không tập trung nhiều, dịch vụ công không gặp mặt, thanh toán không dùng tiền mặt và dữ liệu có số hoá.

- 50% người dùng có điện thoại thông minh được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh; 50% người dùng có điện thoại thông minh tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin chuyên ngành của cơ quan quản lý; hạn chế các hoạt động kiểm tra trực tiếp, kiểm tra của các đoàn liên ngành, tăng cường kiểm tra số thông qua ứng dụng CNTT, vừa thích ứng với điều kiện thực tiễn, nhất là yêu cầu phòng, chống dịch, vừa đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- 100% các cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng CNTT, quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo trong quá trình đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị

thông minh hướng đến chính quyền số, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh; triển khai các biện pháp nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng CNTT; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số.

- Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, lề lối, tác phong làm việc; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; những vấn đề mới, chưa có quy định hoặc quy định đã vượt qua thực tiễn thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội; cần huy động sự ủng hộ và tích cực hưởng ứng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp xã hội để phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện thành công Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Tăng cường hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội; trong đó chú trọng đến việc tăng cường nhận thức, hiểu biết của người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định về cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước; tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình này trong phạm vi quản lý của mình; xác định CCHC gắn với chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; gắn công tác thi đua, khen thưởng với nhiệm vụ CCHC ở từng đơn vị, địa phương.

2. Tiếp tục cải cách thể chế, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo yêu cầu hiện đại, hội nhập và có tính khả thi, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật: Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản

hướng dẫn thi hành; chú trọng việc lấy ý kiến Nhân dân, tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn và đối tượng chịu sự tác động của các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) một cách thực chất, hiệu quả; 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn theo đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời tăng cường sự kiểm tra, giám sát, phản biện đối với công tác pháp luật, tăng cường trách nhiệm của từng cơ quan và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản QPPL.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ngành, địa phương. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện chính sách và giám sát thi hành pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển và trở thành động lực phát triển kinh tế. Minh bạch hoá toàn bộ quy định, chính sách, cơ chế, bảo đảm việc tiếp cận bình đẳng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) một cách quyết liệt, thực chất, hiệu quả hơn; trong đó, tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh và các quy định TTHC rườm rà, phức tạp, không cần thiết, trọng tâm là các TTHC đang gây trở ngại, kìm hãm hoạt động sản xuất, kinh doanh và các TTHC khác liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách, kiểm soát TTHC một cách hiệu quả và toàn diện, bám sát các mục tiêu, yêu cầu cải cách của Chính phủ; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; ưu tiên tập trung nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC được giao gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thường xuyên rà soát, thống kê, đánh giá và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, chi phí tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ. Tăng cường ứng dụng CNTT và công nghệ số để chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ; tích hợp các mẫu đơn, tờ khai và các

giấy tờ có nội dung thông tin trùng lặp; cung cấp các tiện ích thông minh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết hồ sơ TTHC.

- Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương; tăng cường việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, giảm tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ; nghiêm túc thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn. Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức tại Bộ phận một cửa các cấp; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tụy phục vụ Nhân dân.

- Đòi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động.

- Tổ chức đánh giá việc thí điểm và đề xuất mở rộng mô hình thí điểm cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận việc hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị có số lượng hồ sơ phát sinh trong năm dưới 1.000 hồ sơ trong năm.

4. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách bộ máy hành chính nhà nước, tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo hướng tinh gọn, hiệu quả; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và nhu cầu của thị trường, xã hội.

- Thường xuyên rà soát, quy định lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng ngày càng phân định rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ; thực hiện đúng nguyên tắc “một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính”, đồng thời phát huy vai trò phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần giảm thiểu tối đa các tổ chức liên ngành trên địa bàn.

5. Đẩy mạnh cải cách công vụ, thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các VBQPPL về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và gắn chặt với công tác khen thưởng, kỷ luật.

- Tập trung nâng cao ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

- Hoàn thiện và phát triển cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh nhằm phục vụ tốt cho công tác khai thác, kiểm tra, đánh giá thường xuyên hoặc để phục vụ cho công tác cán bộ.

6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách Nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thúc đẩy sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Sau thời kỳ ổn định (05 năm), rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3 (trừ đơn vị sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp) theo lộ trình quy định tại khoản 4, Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước.

- Nghiên cứu, đề xuất những chính sách và giải pháp nhằm thực hiện sâu rộng hơn chủ trương xã hội hóa lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, khoa học và công nghệ, hành chính - tư pháp, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển địa phương.

7. Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính quyền số, tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, các nền tảng ứng dụng nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức

chỉ đạo, quản lý từ thủ công truyền thống chuyển sang điện tử và dựa trên dữ liệu số, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số

- Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Hoàn thiện hạ tầng số tập trung của tỉnh, có khả năng dự phòng, đáp ứng các dịch vụ hạ tầng cơ bản, ứng dụng hiệu quả công nghệ tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp tục vận hành hiệu quả hạ tầng tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án kết nối mạng diện rộng của tỉnh bằng mạng truyền số liệu chuyên dùng CPNET và triển khai Internet tập trung cho hạ tầng CNTT của tỉnh, dần dần đầu tư xây dựng mạng dùng riêng của tỉnh (MAN) để thay thế đảm bảo an toàn, băng thông đủ lớn để phục vụ chính quyền số. Tăng cường kết nối, tích hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu trên môi trường mạng của tỉnh để nâng cao tính bảo mật thông tin trước nguy cơ tiềm ẩn do bị tấn công mạng, đánh cắp cơ sở dữ liệu.

- Có chính sách ưu đãi, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, phát triển hạ tầng CNTT và hạ tầng du lịch thông minh.

8. Phát triển Chính quyền số tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ hoàn thiện phát triển chính quyền số; thực hiện chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo mới, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nâng cấp hệ thống thông tin dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công mọi lúc, mọi nơi theo hướng chuẩn hóa phù hợp với các quy định mới của quốc gia

- Nâng cấp Cổng dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công mọi lúc, mọi nơi. Đảm bảo 100% người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền số được xác thực danh điện tử thông suốt hợp nhất từ hệ thống Trung ương; tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Các sở, ban, ngành thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình, TTHC làm cơ sở xây dựng dịch vụ công trực tuyến, trong đó không đưa vào xây dựng mới các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các TTHC từ năm 2018 đến nay không phát sinh hồ sơ (bao gồm cả trường hợp tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến và qua bưu chính) để đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

- Tập trung nghiên cứu kết nối các cơ sở dữ liệu Quốc gia, đồng bộ các cơ sở dữ liệu dùng chung tại địa phương phục vụ nền tảng chính quyền điện tử: cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư; cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia; cơ sở dữ liệu

quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quốc gia về Thống kê tổng hợp dân số; cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

9. Xây dựng hệ thống nền tảng số tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm nâng cao công tác quản lý của các cấp chính quyền, các ngành thông qua việc ứng dụng nền tảng chuyển đổi số để tổng hợp, phân tích, dự báo, hỗ trợ giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề được người dân quan tâm, định hướng phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

- Hoàn thiện công cụ số hóa tập trung toàn tỉnh cung cấp cho các cơ quan, đơn vị nhà nước thực hiện số hóa dữ liệu. Triển khai tích hợp, thu thập dữ liệu với hệ thống thông minh thu thập, phân tích thông tin trên internet, bao gồm: báo điện tử, diễn đàn, blog, mạng xã hội, các kênh video Youtube,... Bên cạnh đó, hệ thống nằm trong hệ sinh thái trung tâm không gian mạng, tích hợp công nghệ hiện đại của các đơn vị phát triển lớn trong nước vào hệ thống.

- Thực hiện xây dựng công cụ kết nối, trao đổi thông tin giữa cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh cung cấp các tính năng trao đổi thông tin theo các phương thức điện đàm, chat bot; cung cấp tính năng cảnh báo cho người dùng. Hình thành một mạng lưới kết nối, trao đổi thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Xây dựng Nền tảng tích hợp dịch vụ đô thị thông minh đảm bảo cung cấp cho người sử dụng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, tạo lập hóa đơn điện tử, tích hợp chữ ký số người dùng và triển khai hệ thống mã QR Code để thực hiện quản lý, đọc mã vạch cho thiết bị thông minh.

10. Mở rộng và phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đưa các ứng dụng nền tảng số và dịch vụ thông minh vào các ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở ứng dụng thành tựu công nghệ mới.

- Xây dựng mô hình triển khai IOC cho đô thị thuộc tỉnh (cấp huyện), mô hình chuyển đổi số cấp xã. Triển khai các dịch vụ thuộc các hệ sinh thái về giáo dục thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh,...

11. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC; huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, ứng dụng CNTT; có chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu trong lĩnh vực CCHC để kịp thời động viên, khích lệ và góp phần nâng cao chất lượng công tác CCHC của địa phương.

- Đảm bảo mức chi tối thiểu 1% cho hoạt động ứng dụng CNTT trong định mức chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp huyện.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp UBND các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các bộ, ngành, địa phương.

12. Đổi mới, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả của công tác kiểm tra

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC đối với các đơn vị, địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế.

- Sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành gắn với các nội dung kiểm tra thường xuyên hàng năm của các cấp, các ngành trên môi trường mạng, trên cơ sở ứng dụng công nghệ số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình này trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ:

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này tại địa phương. Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ và cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác tuyên truyền các nội dung cải cách hành chính theo Chương trình này bằng các hình thức đa dạng, phù hợp.

- Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình này. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

- Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Khẩn trương nghiên cứu đề tài khoa học về ứng dụng CNTT vào hoạt động khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng đánh giá thường xuyên, liên tục bằng công nghệ số và phấn đấu đưa vào áp dụng từ năm 2023.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp:

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện nội dung cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh:

- Chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung cải cách TTHC, kiểm soát và đơn giản hóa TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành cổng Dịch vụ công tỉnh; triển khai kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia; tích hợp hệ thống thông tin báo cáo địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; tích hợp dịch vụ công của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Chủ trì đôn đốc các sở, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo thời gian thực.

4. Sở Tài chính:

- Chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung cải cách tài chính công.

- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực và bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các hoạt động CCHC.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh.

- Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền CCHC. Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh xây dựng, triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC trên địa bàn dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với tính hình thực tiễn.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động

của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung: việc đẩy mạnh các chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI); công tác phân cấp; công tác đầu tư trụ sở xã, phường, thị trấn bảo đảm yêu cầu CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, bố trí các nguồn lực cho hoạt động CCHC của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

8. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện:

- Căn cứ các nội dung tại Chương trình này và điều kiện cụ thể của ngành, địa phương mình chủ động xây dựng, ban hành Chương trình hoạt động của ngành, địa phương để tổ chức thực hiện phù hợp, hiệu quả.

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ CCHC đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) tình hình thực hiện Chương trình này để Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CCHC.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương